

**THIẾT KẾ VÀ SỬ DỤNG BÀI TẬP LỊCH SỬ NHẪM PHÁT TRIỂN
NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ SÁNG TẠO CHO HỌC SINH
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG DẠY HỌC LỊCH SỬ**

Trần Thị Thùy Dung¹

TÓM TẮT

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo là một trong những năng lực cần hình thành cho học sinh trung học phổ thông. Bài viết hướng đến việc thiết kế và sử dụng bài tập lịch sử nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học Lịch sử.

Từ khóa: *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, bài tập lịch sử*

1. Mở đầu

Thực hiện công cuộc đổi mới giáo dục, đổi mới chương trình, sách giáo khoa với trọng tâm của giáo dục là chuyển từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, “học đi đôi với hành”, “lý luận gắn liền với thực tiễn”, tháng 12 năm 2018, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông mới.

Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể năm 2018 được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh (HS), bao gồm các năng lực: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ và năng lực thể chất.

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thuộc nhóm năng lực cốt lõi, cơ bản, thiết yếu để học tập, làm việc, là một trong những năng lực cần thiết cho mỗi người. Việc sử dụng bài tập lịch sử trong dạy học Lịch sử là một trong những biện pháp góp phần vào việc phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho HS trung học phổ thông (THPT).

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận của việc thiết kế và sử dụng bài tập lịch sử nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trong dạy học Lịch sử

2.1.1. Quan niệm, cấu trúc của năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong dạy học Lịch sử

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo là một trong các năng lực cơ bản, cần thiết cho con người trong xã hội ngày càng phát triển. Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo được hình thành và phát triển ở nhiều môn học khác nhau, trong đó có môn Lịch sử.

Theo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể năm 2018, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo đối với HS cấp THPT được mô tả như sau:

- “Nhận ra ý tưởng mới: biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng và độ tin cậy của ý tưởng mới.

- Phát hiện và làm rõ vấn đề: phân tích được tình huống trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện và nêu được tình huống có vấn đề trong học tập, trong cuộc sống.

¹Trường Đại học Đồng Nai

Email: ttthuydung87@gmail.com

- Hình thành và triển khai ý tưởng mới: nêu được nhiều ý tưởng mới trong học tập và cuộc sống; suy nghĩ không theo lối mòn; tạo ra yếu tố mới dựa trên những ý tưởng khác nhau; hình thành và kết nối các ý tưởng; nghiên cứu để thay đổi giải pháp trước sự thay đổi của bối cảnh; đánh giá rủi ro và có dự phòng.

- Đề xuất, lựa chọn giải pháp: thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.

- Thiết kế và tổ chức hoạt động: lập được kế hoạch hoạt động; tập hợp và điều phối được nguồn lực cần thiết cho hoạt động; biết điều chỉnh kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch phù hợp với hoàn cảnh để đạt hiệu quả cao; đánh giá được hiệu quả của giải pháp và hoạt động.

- Tư duy độc lập: không chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; biết quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề” [1, tr. 49-50].

Theo Chương trình giáo dục phổ thông mới, môn Lịch sử thuộc nhóm môn Khoa học xã hội, được lựa chọn theo định hướng nghề nghiệp ở cấp THPT. So với chương trình hiện hành, chương trình Lịch sử mới lấy việc phát triển năng lực và phẩm chất cho HS làm mục đích chủ đạo. Về cấu trúc nội dung, toàn bộ nội dung dạy - học sẽ được tổ chức thành các chủ đề và các chuyên đề học tập. Các chủ đề, chuyên đề này được xác định dựa trên các lĩnh vực của sử học và các mạch nội dung chính của lịch sử Việt Nam, thế giới. Đặc biệt, môn Lịch sử ở THPT “có sứ

mệnh giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực lịch sử, thành phần của năng lực khoa học, đồng thời góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình tổng thể” [2, tr. 3], giúp người học phát triển năng lực tự tìm hiểu lịch sử suốt đời; có thể ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào cuộc sống, nhất là phát triển các nghề nghiệp dựa trên kiến thức lịch sử, văn hóa. Trong dạy học Lịch sử, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, nêu giả thuyết, ý kiến cá nhân về sự kiện, nhân vật lịch sử; tìm logic trong cách thức giải quyết vấn đề; vận dụng bài học kinh nghiệm lịch sử trong thực tế cuộc sống...

Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi quan niệm năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong học tập lịch sử là khả năng cá nhân sử dụng những kiến thức đã biết, để phát hiện các tình huống có vấn đề trong học tập; biết tìm tòi, thu thập, tập hợp các thông tin, dữ kiện có liên quan đến vấn đề; tiến hành phân tích, đưa ra các biện pháp, lựa chọn giải pháp phù hợp nhất để giải quyết những tình huống, những vấn đề trong học tập và thực tiễn; đồng thời đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề, vận dụng cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề để vận dụng trong tình huống mới hoặc bối cảnh mới.

2.1.2. Sử dụng bài tập lịch sử nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trung học phổ thông trong dạy học Lịch sử

2.1.2.1. Quan niệm về bài tập lịch sử

Trong tiếng Anh, “exercise” có nghĩa là bài tập, là từ dùng để chỉ một

hoạt động nhằm rèn luyện thể chất và tinh thần. Theo Từ điển Tiếng Việt, bài tập là “bài ra cho học sinh làm để tập vận dụng những điều đã học: bài tập đại số, làm bài tập ở nhà” [3, tr. 21]. Theo tác giả Đặng Văn Hồ: “bài tập là một hệ thống thông tin xác định bao gồm những dữ liệu và những yêu cầu được đưa ra trong quá trình dạy học, đòi hỏi người học một lời giải đáp, mà lời giải đáp này toàn bộ hoặc từng phần không ở trạng thái có sẵn của người giải tại thời điểm mà bài tập được đưa ra” [4, tr. 14]. Bài tập được sử dụng ở các cấp học và trong các môn học, được sử dụng nhiều nhất trong khâu kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của HS.

Tùy vào quan điểm của từng nhà nghiên cứu, bài tập lịch sử được chia thành nhiều loại khác nhau. Mỗi dạng bài tập đều có một chức năng riêng, có loại bài tập giúp HS hiểu được bản chất của vấn đề; bài tập giúp HS nhận biết được mối liên hệ, tính kế thừa giữa các sự kiện, hiện tượng theo lịch đại và đồng đại; bài tập vận dụng kiến thức tạo sự kết nối giữa quá khứ và hiện tại; các bài tập đều có vị trí quan trọng trong việc phát huy tính tích cực, gây hứng thú học tập và phát triển năng lực cho HS trong dạy học Lịch sử. Trong các quan điểm đó, người viết nhận thấy cách phân loại của tác giả Nguyễn Thị Côi là phù hợp hơn cả, theo đó, căn cứ vào nội dung lịch sử và mục đích đưa ra bài tập, bài tập lịch sử được chia làm 4 loại:

- “Bài tập xác định bản chất của biến cố hay hiện tượng lịch sử:

+ Xác định đặc trưng, bản chất của sự kiện;

+ Nêu mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện, từ đó rút ra nguyên nhân, ý nghĩa của sự kiện, phát hiện ra mối liên hệ giữa các sự kiện, hiện tượng để nhìn rõ bản chất của chúng;

+ Xác định bản chất của sự kiện, hiện tượng mới trên cơ sở sự kiện hiện tượng khác;

+ Nêu lên tính kế thừa giữa các sự kiện, giai đoạn, thời kỳ lịch sử để giúp học sinh hiểu rõ quá trình phát triển liên tục, thống nhất và tính đa dạng, phong phú, cụ thể của lịch sử.

- Bài tập nhằm hình thành khả năng đánh giá bằng cách yêu cầu học sinh phân tích, lý giải, nhận xét một sự kiện, hiện tượng:

+ Đánh giá về vai trò của cá nhân trong lịch sử;

+ Đánh giá sự kiện;

+ Đánh giá về các hoạt động sản xuất, vận dụng khoa học kỹ thuật.

- Bài tập nhằm phát triển các năng lực nhận thức lịch sử của học sinh.

- Bài tập nhằm rèn luyện khả năng vận dụng những kiến thức đã học để hiểu kiến thức mới” [5, tr. 88-89].

Từ các quan niệm trên, chúng ta thấy rằng các tác giả đều thống nhất về một số yêu cầu cần có của bài tập lịch sử:

- Bài tập phải chứa đựng tình huống có vấn đề, đặt HS trước khó khăn, mâu thuẫn giữa điều đã biết và chưa biết, xuất hiện nhu cầu tìm hiểu vấn đề.

- Bài tập đòi hỏi HS phải giải quyết một cách độc lập, tư duy độc lập dựa trên kiến thức đã có hoặc những kiến thức mà GV cung cấp nhưng đó không phải là câu trả lời.

- Kết quả của việc sử dụng bài tập dẫn đến hiểu biết mới, lĩnh hội kiến thức mới của HS, đi sâu vào bản chất

của sự kiện, hiện tượng và phát triển các kỹ năng.

Trên cơ sở đó, tác giả rút ra khái niệm về bài tập như sau: Bài tập lịch sử là bài tập gồm có dữ kiện và yêu cầu (dưới dạng câu hỏi), đặt HS trước nhiệm vụ nhận thức vấn đề và tìm cách giải quyết vấn đề mà ngay tại thời điểm đó HS chưa biết lời giải. Để đạt mục đích này, HS phải dựa trên cơ sở những dữ kiện đã cho và dựa vào những tri thức, kỹ năng sẵn có để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Việc giải quyết bài tập giúp HS lĩnh hội kiến thức mới, phát triển năng lực nhận thức, năng lực tư duy và năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Bài tập và câu hỏi có quan hệ với nhau, bài tập có thể nêu dưới dạng câu hỏi, nhưng không phải tất cả các câu hỏi đều là bài tập lịch sử. Xét về chức năng dạy học, bài tập và câu hỏi đều là phương tiện tổ chức hoạt động nhận thức, dùng để kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của HS. Tuy nhiên, xét về cấu trúc, giữa bài tập và câu hỏi có sự khác nhau, nếu như câu hỏi chỉ có yêu cầu đặt ra để HS trả lời, còn bài tập bao gồm dữ kiện cho trước và yêu cầu để giải quyết bài tập, HS phải căn cứ vào dữ kiện cho trước và kiến thức đã học để tìm ra câu trả lời.

Ngày nay, trong xu thế đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực cho HS, theo hướng lĩnh hội sáng tạo hơn là lĩnh hội tái tạo, các câu hỏi cũng phải đảm bảo yêu cầu như: câu hỏi phải rõ ràng, câu hỏi không chỉ dừng lại ở “đúng – sai, có – không”, mà các câu hỏi phải đặt ra vấn đề cho HS, kích thích hứng thú học tập cho HS, câu hỏi phải đảm bảo tính vừa sức và phù

hợp với trình độ HS. Vì vậy, có thể thấy, câu hỏi có thể là bài tập nhưng không phải tất cả các câu hỏi đều là bài tập, câu hỏi chỉ trở thành bài tập khi chứa đựng “vấn đề”, đặt HS mâu thuẫn giữa cái biết – nhu cầu cần biết, buộc HS phải động não để giải quyết vấn đề.

2.1.2.2. Yêu cầu của việc biên soạn bài tập lịch sử

Sử dụng bài tập trong dạy học Lịch sử với mục đích nâng cao chất lượng dạy học, phát triển năng lực cho HS, đặc biệt là năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, do đó bài tập phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Bài tập phải tập trung vào nội dung trọng tâm của bài, của chủ đề, chuyên đề học tập, bám sát chương trình, đi trúng các vấn đề quan trọng, cốt lõi tạo nên hệ thống tri thức cho HS.

- Bài tập phải đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với trình độ và lứa tuổi HS, giúp HS khôi phục bức tranh quá khứ.

- Bài tập phải gắn với tình huống có vấn đề, đòi hỏi HS suy nghĩ, tìm tòi để rút ra bản chất, đặc trưng, quy luật của sự kiện, hiện tượng lịch sử.

- Bài tập phải đa dạng, phong phú, không gây nhàm chán cho HS, đồng thời tạo điều kiện cho HS xem xét, đánh giá các mặt khác nhau của sự kiện, nhân vật lịch sử và đời sống xã hội; sử dụng nhiều cách giải quyết khác nhau, phát triển năng lực nhận thức, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, hình thành nhân cách cho HS.

- Bài tập phải đảm bảo tính hấp dẫn, hoặc là những vấn đề HS quan tâm, hoặc những vấn đề mới lạ, kích thích tư duy, khuyến khích HS suy nghĩ, tìm ra đáp án, tìm ra tri thức mới.

- Bài tập phải hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, đồng thời GV cần lựa chọn thời điểm đưa ra bài tập sao cho thích hợp, hoặc vào đầu giờ học, trong khi trình bày nội dung hoặc khi kết thúc bài.

2.1.2.3. Quy trình biên soạn bài tập lịch sử

Việc thiết kế bài tập phải đảm bảo tính vừa sức, phù hợp với trình độ của HS, kích thích tư duy của HS và cần tuân theo một quy trình nhằm đảm bảo tính khoa học, chính xác và mục đích phát triển năng lực cho HS:

- Xác định kiến thức trọng tâm, cơ bản của bài học/chủ đề/chuyên đề học tập.

- Nghiên cứu kỹ sách giáo khoa, sách giáo viên và các tài liệu khác có liên quan.

- Phân tích nội dung, các đề mục trong sách giáo khoa, từ đó xác định mục đích xây dựng bài tập.

- Xác định những nội dung HS sẽ lĩnh hội qua việc giải bài tập và những nội dung sẽ tiếp nhận qua lời giảng của giáo viên.

- Xác định những nội dung của bài học/chủ đề/chuyên đề học tập có thể xây dựng bài tập lịch sử.

- Tìm thêm các nguồn tài liệu tham khảo có liên quan đến việc xây dựng bài tập.

- Tiến hành xây dựng bài tập.

- Kiểm tra lại bài tập sau khi xây dựng và lập kế hoạch sử dụng.

2.1.2.4. Quy trình sử dụng bài tập lịch sử

Để có được những bài tập chất lượng và đạt được hiệu quả tốt nhất, giáo viên không những cần làm theo quy trình biên soạn mà còn tuân theo

quy trình sử dụng một cách khoa học, hợp lý:

- Bước 1: Đặt vấn đề

+ Giáo viên đưa ra bài tập lịch sử.

+ HS phát hiện, nêu được vấn đề và xác định yêu cầu bài tập đưa ra.

- Bước 2: Giải quyết vấn đề

+ HS tìm kiếm, thu thập thông tin, dữ kiện, dựa vào kiến thức đã học và hướng dẫn của giáo viên.

+ HS đề xuất các biện pháp giải quyết và lựa chọn biện pháp thích hợp nhất.

- Bước 3: Rút ra kết luận: trả lời câu hỏi bài tập đưa ra ban đầu.

2.1.2.5. Vai trò, ý nghĩa của việc sử dụng bài tập lịch sử theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trong dạy học Lịch sử

Bài tập trong dạy học Lịch sử là bài tập chứa đựng mâu thuẫn nhận thức thúc đẩy HS suy nghĩ, tư duy, tìm tòi để tìm ra đáp án của câu hỏi. Thông qua quá trình giải quyết bài tập, HS sẽ có được hệ thống tri thức lịch sử, hiểu được bản chất và các mối liên hệ giữa sự kiện, hiện tượng, đồng thời, HS sẽ được lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức.

Bên cạnh đó, bài tập lịch sử luôn đặt HS trước một tình huống “có vấn đề”, để giải quyết được các tình huống đó một cách hiệu quả, HS phải có thái độ tích cực, phải kiên trì, nhẫn nại, huy động những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của mình để giải quyết các tình huống có vấn đề một cách hiệu quả, tích cực và sáng tạo. Chính trong quá trình tình huống “có vấn đề”, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo được hình thành và phát triển.

Sử dụng bài tập trong dạy học Lịch sử góp phần vào việc phát triển cho HS khả năng tìm tòi, xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau của cùng một vấn đề, một nhận định, một sự kiện, một nhân vật. Trong khi phát hiện và giải quyết vấn đề, HS sẽ huy động được tri thức và khả năng cá nhân, khả năng hợp tác, trao đổi, thảo luận với bạn bè để tìm ra cách giải quyết vấn đề tốt nhất. Kết quả của quá trình HS tự lực giải quyết các tình huống có vấn đề, HS sẽ hình thành và phát triển các năng lực cần thiết.

2.2. Sử dụng bài tập lịch sử nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho học sinh trung học phổ thông

2.2.1. Sử dụng bài tập lịch sử khi tổ chức hoạt động khởi động

Mở đầu bài học (hay mở đầu một chủ đề, chuyên đề học tập) là khâu đầu tiên của quá trình dạy học, là bước quan trọng giúp HS tập trung chú ý vào nội dung bài học, tạo hứng thú học tập cho HS. Trong dạy học Lịch sử, việc tạo hứng thú học tập cho HS bằng cách sử dụng tình huống có vấn đề là một trong những biện pháp kích thích tư duy, thúc đẩy sự tìm tòi, khám phá của HS. Tình huống có vấn đề trong lịch sử là sự trở ngại về trí tuệ của con người, xuất hiện khi người đó chưa biết cách giải thích hiện tượng, nhân vật, sự kiện ngay tại thời điểm đó, đòi hỏi người học phải tìm tòi, khám phá. Sử dụng bài tập tạo ra tình huống có vấn đề, đặt HS trước một khó khăn, một mâu thuẫn giữa biết và chưa biết, buộc HS phải tích cực hoạt động, tích cực tư duy để tìm ra câu trả lời. Việc tạo tình huống vào đầu giờ học phải đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ bài học, phù hợp với trình độ

nhận thức của HS; đồng thời cũng phải nêu ra được những nhiệm vụ cụ thể để HS thực hiện.

Ví dụ, khi dạy phong trào Tây Sơn trong chuyên đề “Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945)” (Lịch sử 11 – Chương trình phổ thông mới), thay vì cách mở đầu bài học như bình thường, chúng ta có thể sử dụng bài tập tình huống để tổ chức hoạt động khởi động dẫn dắt vào bài học, giáo viên có thể nêu vấn đề như sau:

“Các em ạ, khi nói về công lao thống nhất đất nước cuối thế kỷ XVIII, có nhiều ý kiến khác nhau, có ý kiến cho rằng Nguyễn Huệ là người có công trong việc xóa bỏ chia cắt Đàng Trong – Đàng Ngoài, thống nhất đất nước; có ý kiến lại phủ nhận điều ấy, tiêu biểu như:

Nhóm ý kiến thứ nhất cho rằng Nguyễn Huệ nói riêng và Phong trào Tây Sơn nói chung đã có công trong việc thống nhất đất nước thế kỉ XVIII, tiêu biểu là ý kiến của nhà nghiên cứu Phan Thuận An: “Nguyễn Huệ, người anh hùng kiệt xuất của thời đại ấy đã lần lượt phá tan từng mảng xã hội mâu thuẫn, bất công, nhiều nhượng từ Nam ra Bắc để bước đầu đưa đất nước đến chỗ thống nhất” [6].

Nhóm ý kiến thứ hai cho rằng đất nước được thống nhất vào thế kỉ XVIII không phải là công lao của Nguyễn Huệ và phong trào Tây Sơn mà là công lao của Nguyễn Ánh – Gia Long, tiêu biểu là ý kiến của tác giả Nguyễn Phương: “Chẳng những Nguyễn Huệ chưa phục vụ gì cho việc thống nhất, mà trái lại đã giúp đắc lực vào việc chia cắt đất nước ra một cách sâu xa hơn thời Trịnh Nguyễn”.

Còn Nguyễn Ánh “chẳng những đã thống nhất Việt Nam về địa lý mà còn thống nhất về tinh thần ái quốc” [6].

Để biết được trong hai ý kiến trên, ý kiến nào đúng, ý kiến nào sai, chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung phong trào Tây Sơn trong chuyên đề học tập Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945) để đánh giá được vai trò của phong trào Tây Sơn và công lao của anh hùng áo vải Nguyễn Huệ.”

Bài tập trên đã đặt HS trước “vấn đề” mâu thuẫn, trái ngược nhau về công lao thống nhất đất nước của phong trào Tây Sơn: một ý kiến cho rằng phong trào Tây Sơn là những người đã xóa bỏ ranh giới sông Gianh, thống nhất đất nước; song ý kiến khác lại cho rằng việc thống nhất đất nước không phải là công lao của phong trào Tây Sơn; trái lại, anh em nhà Tây Sơn còn góp phần chia cắt đất nước sâu sắc hơn, vậy Nguyễn Ánh hay Nguyễn Huệ mới là người thống nhất đất nước, hay cả hai đều có công trong việc thống nhất đất nước thế kỷ XVIII.

Như vậy, bài tập trên đã đem đến cho HS “tình huống có vấn đề”, đó là tìm hiểu và nhận xét về công lao của phong trào nông dân tiêu biểu nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam thế kỷ XVIII - phong trào Tây Sơn. Để có được câu trả lời chính xác, đầy đủ, các em buộc phải đi sâu vào nội dung bài học, chú ý tìm kiếm thông tin, phân tích từng sự kiện để tìm câu trả lời. Đồng thời, bài tập trên cũng góp phần vào việc định hướng HS giải quyết những nhiệm vụ nhận thức của bài học, đó là đánh giá về vai trò của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc lúc bấy giờ;

tìm ra điểm khác biệt của phong trào Tây Sơn so với các phong trào nông dân khác trong lịch sử Việt Nam thời trung đại. Trong quá trình giải bài tập, HS phải suy nghĩ, xử lý thông tin, phân tích, giải thích, đánh giá từng sự kiện, từng nhân vật lịch sử để rút ra kết luận ở cuối bài. Việc giải quyết các bài tập sẽ giúp HS hoàn thiện những kỹ năng, kỹ xảo nhất định: kỹ năng phân tích, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giải quyết vấn đề.

2.2.2. Sử dụng bài tập lịch sử khi tổ chức hoạt động khám phá

Bài tập không chỉ được sử dụng vào đầu giờ học mà còn được sử dụng vào giữa giờ học nhằm giúp HS lĩnh hội tri thức và kỹ năng.

Đổi mới phương pháp dạy học nói chung và dạy học Lịch sử nói riêng hiện nay ở trường phổ thông là một yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng dạy học. Để làm được điều đó đòi hỏi chúng ta phải chuyển từ dạy học cung cấp nội dung sang dạy học theo định hướng phát triển năng lực. Dạy học theo định hướng phát triển năng lực không lấy nội dung kiến thức và kỹ năng làm mục tiêu hướng tới mà chú trọng hình thành và phát triển năng lực cần có.

Trong dạy học theo định hướng phát triển năng lực, giáo viên là người tổ chức, hỗ trợ HS tự lực và tích cực lĩnh hội tri thức, thường xuyên tổ chức các buổi thảo luận, tranh luận, chú trọng sự phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp, hợp tác... Trong quá trình thực hiện bài tập, người học sẽ huy động tri thức và khả năng cá nhân, trao đổi, phân tích các dữ liệu, thông tin cho trước, thảo luận với bạn bè để tìm ra cách giải quyết vấn đề tốt nhất.

Thông qua việc giải quyết vấn đề, giúp người học lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Ví dụ: khi dạy chuyên đề học tập Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử (Lịch sử 10 - Chương trình phổ thông mới), nhằm giúp HS thấy rõ điểm giống và khác nhau của ba bộ luật thời Lý, Trần, Lê (*Hình thư, Hình luật* và *Quốc triều hình luật*), đặc biệt nhấn mạnh tính chất tiên bộ, nhân đạo của bộ luật *Quốc triều hình luật*, chúng ta có thể sử dụng bài tập như sau:

“Trong chương Xử án của Quốc triều hình luật “Điều 23 quy định: Đàn bà phải tội tử hình trở xuống, nếu đang có thai, thì phải đẻ sinh đẻ sau 100 ngày, mới đem hành hình. Nếu chưa sinh mà đem hành hình thì ngục quan bị xử biếm hai tư, ngục lại bị tội đồ làm bản cục đình. Dù sinh rồi nhưng chưa đủ hạn 100 ngày mà hành hình thì ngục quan, ngục lại đều bị tội nhẹ hơn tội trên hai bậc (...). Nếu khi chưa sinh mà đem thi hành tội xuy thì ngục quan bị phạt tiền 20 quan, ngục lại bị phạt 80 trượng”. [7, tr. 244-245]. Trong chương Tập luật của *Quốc triều hình luật* “Điều 52 quy định: “bắt được trẻ con lạc đường, thì phải báo quan làm bằng chứng, có ai đến nhận, thì được lấy tiền cấp dưỡng (mỗi tháng 5 tiền); trái lại không cho người ta nhận, thì xử nhẹ hơn tội quỵên đồ một bậc” [7, tr. 220]. “Điều 53 quy định: “làm sự trái ngược để đến nỗi con của người khác chết thì xử phạt 80 trượng, đền tiền đền mạng 5 quan cha mẹ đứa trẻ chết” [7, tr. 220].

Qua các điều luật trên, em hãy nhận xét về tính tiên bộ, nhân đạo của *Quốc*

triều hình luật trong bối cảnh lịch sử phong kiến thế kỷ XV.”

Điều đầu tiên HS nhận biết được qua những điều luật trên, đó là ở thế kỷ XV dưới triều đại Hậu Lê, người phụ nữ đều được bảo vệ, ngay cả lúc họ phạm tội. Nhưng lúc này lại xuất hiện một mâu thuẫn nhận thức: trong xã hội phong kiến, thân phận của người phụ nữ không được coi trọng, họ bị chi phối bởi tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, “nhất nam viết hữu thập nữ viết vô” – đó là những kiến thức HS đã biết trước đó; nhưng với bài tập trên, HS đứng trước câu hỏi: “Phải chăng thân phận người phụ nữ đã được thay đổi?”, đặt HS trước “vấn đề” cần giải quyết. Việc đặt vấn đề như trên sẽ lôi cuốn HS tìm hiểu, tìm tòi, tranh luận góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Bên cạnh đó, qua việc giải bài tập lịch sử về bộ *Quốc triều hình luật*, HS nhận ra rằng trong xã hội phong kiến – xã hội bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị thì những mảnh đời đáng thương như phụ nữ, trẻ em thực sự đã được pháp luật bảo vệ - đó là một điều đáng trân trọng và khác biệt so với những bộ luật phong kiến trước đó.

Việc giải quyết bài tập như trên, HS cần làm việc, khám phá tri thức, tích cực tư duy, làm chủ kiến thức dưới sự hướng dẫn, tổ chức của giáo viên. Từ đó, HS sẽ phát triển năng lực nhận thức lịch sử, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, đặc biệt là khả năng làm việc với nguồn tài liệu gốc.

Cũng ở bài học trên, để thấy được tính kế thừa và tính tiên bộ vượt thời đại của *Quốc triều hình luật* so với các bộ luật dân sự hiện nay, chúng ta có thể xây dựng bài tập như sau:

“Quan sát bảng dưới đây, em hãy so sánh *Quốc triều hình luật* với Bộ luật

hình sự 2015 để thấy được những giá trị đương đại của *Quốc triều hình luật*.”

Tiêu chí	Quốc triều hình luật	Bộ luật Hình sự 2015
Vấn đề tra khảo người phạm tội	<p>- Điều 8 (chương Xử án): Những người đáng được nghị xét giảm tội, như 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, hay bị phế tật, nếu phạm tội thì không được tra tấn, chỉ căn cứ vào lời khai của những người làm chứng mà định tội; nếu (quan hình ngục) làm trái điều này, thì coi như phạm tội cố ý buộc tội người. Trong luật có điều được phép ẩn giấu cho nhau, như người 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống và người bệnh nặng, thì không được gọi ra làm chứng, nếu trái luật này thì bị biếm một tư [7, tr. 238-239].</p> <p>- Điều 50 (chương Xử án): Ngục giám vô cớ hành hạ đánh đập tù nhân bị thương, thì xử tội theo luật đánh người bị thương. Nếu bớt xén bớt áo quần và cơm, đồ ăn thì chiếu số ăn bớt mà khép vào tội ăn trộm. Nếu vì sự đánh đập và ăn bớt, đến nỗi tù phạm bị chết, thì bị khép vào tội đồ hay lưu [7, tr. 254, 255].</p>	<p>- Điều 51. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự</p> <p>1. Các tình tiết sau đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:</p> <p>a) Người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm;</p> <p>(...)</p> <p>n) Người phạm tội là phụ nữ có thai;</p> <p>o) Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên;</p> <p>p) Người phạm tội là người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;</p> <p>q) Người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình;</p> <p>r) Người phạm tội tự thú;</p> <p>- Điều 373 (Tội dùng nhục hình)</p> <p>+ Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:</p> <p>a) Gây thương tích hoặc gây thiệt hại về sức khỏe cho người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;</p> <p>b) Làm người bị nhục hình tự sát.</p> <p>+ Phạm tội làm người bị nhục hình chết, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân [8].</p>

Để giải quyết bài tập trên, HS không chỉ vận dụng kiến thức đã học, những hiểu biết của bản thân mà còn phải tìm hiểu Bộ luật hình sự năm 2015, phân tích những nội dung tương đồng giữa 2 bộ luật *Quốc triều hình luật* ở thế kỷ XV và Bộ luật Hình sự 2015 ở thế kỷ

XXI để đánh giá, rút ra nhận xét về giá trị, ý nghĩa vượt thời đại của *Quốc triều hình luật*. Giải quyết được vấn đề của bài tập trên nêu ra, HS không những nắm vững kiến thức của bài học mà còn thấy được mối liên hệ kế thừa, phát triển giữa các sự kiện, thấy được tính ưu

việt của *Quốc triều hình luật* trong xã hội phong kiến lúc bấy giờ. Bài tập trên cho thấy khả năng kết nối giữa quá khứ và hiện tại, thông qua việc giải bài tập, HS phải vận dụng kiến thức lịch sử để lý giải những vấn đề của cuộc sống, qua đó có thể tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực tự học, năng lực đánh giá về các sự kiện lịch sử.

2.2.3. Sử dụng bài tập lịch sử khi khi tổ chức hoạt động luyện tập, củng cố

Để củng cố bài học trên lớp, giáo viên cũng có thể sử dụng bài tập bằng cách giao cho HS bài tập về nhà, bài tập khắc sâu kiến thức. Thông qua các bài tập, giáo viên củng cố kiến thức đã học cho HS, kiểm tra tình hình lĩnh hội kiến thức, đồng thời giáo viên có thể hiểu rõ việc học tập của HS, có cơ sở thực tế để đánh giá kết quả học tập của HS, phát hiện những thiếu sót trong kiến thức, kỹ năng, để kịp thời sửa chữa, bổ sung.

Ví dụ: sau khi học xong nội dung Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong chủ đề Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng 8 năm 1945 đến nay) (Lịch sử 12 - Chương trình phổ thông mới), để củng cố kiến thức đã học cho HS, giáo viên có thể thiết kế bài tập như sau:

“Bàn về nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, có 2 ý kiến sau:

1. Nhờ có sự chuẩn bị lực lượng chu đáo, lại nổ ra đúng thời cơ, Cách mạng Tháng Tám đã giành được thắng lợi “nhanh, gọn, ít đổ máu”.

2. Cách mạng tháng Tám thắng lợi là do lúc đó ở Đông Dương có “khoảng trống quyền lực”.

Em hãy:

a. Bình luận 2 ý kiến trên.

b. Trong 2 ý kiến trên, em đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?”

Bài tập trên được sử dụng sau khi HS đã học xong nội dung của Cách mạng tháng Tám năm 1945, giúp HS củng cố những nội dung đã học, trong đó nhấn mạnh đến nguyên nhân thắng lợi, về vai trò của Đảng và Hồ Chí Minh đối với thành công của Cách mạng Tháng Tám.

Bài tập đưa ra hai ý kiến có vẻ trái ngược nhau:

Một ý kiến cho rằng sự thành công của Cách mạng tháng Tám là sự kết hợp giữa sự chuẩn bị lâu dài và chớp thời cơ “ngàn năm có một”;

Một ý kiến lại cho rằng sự thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là do lúc bấy giờ ở Đông Dương có “khoảng trống quyền lực” – khi đế quốc Nhật Bản đã chuẩn bị đầu hàng quân Đồng Minh và thực dân Pháp đã bị Nhật lật đổ từ cuộc đảo chính vào tháng 3/1945, trong khi chính phủ Việt Nam thực chất là một chính phủ bù nhìn, không có thực quyền, phải phụ thuộc hoàn toàn vào đế quốc Nhật Bản.

Bài tập đặt HS trước “vấn đề” cần giải quyết, đó là bình luận, đánh giá về hai ý kiến, hai nhận định, hai quan điểm mâu thuẫn nhau. Dựa vào những kiến thức đã học và sự hướng dẫn, định hướng của giáo viên, HS sẽ bình luận, giải thích và đặc biệt phải đưa ra ý kiến của cá nhân đối với hai ý kiến trên, HS có thể đồng ý một phần hoặc toàn bộ nhận định (theo cá nhân) và phải đưa ra

các lý giải cụ thể về sự lựa chọn đó. Để có thể trả lời được hai câu hỏi trên, HS phải dựa vào kiến thức của bài học Cách mạng tháng Tám và kiến thức về lịch sử thế giới để so sánh và khẳng định rằng: nhờ có sự chuẩn bị tốt về các mặt cùng việc chớp thời cơ, chúng ta đã làm nên thành công của Cách mạng tháng Tám, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa – điều mà không phải quốc gia nào cũng làm được. Bài tập trên giúp HS rèn luyện khả năng phát hiện, giải quyết vấn đề, khả năng tư duy, so sánh, phân tích, bình luận, giải thích và có cái nhìn khách quan, đa chiều, nhận thức đúng đắn về một sự kiện lịch sử.

Việc giải bài tập trên giúp HS nắm vững hơn kiến thức đã học, phát triển hơn nữa kỹ năng phân tích, so sánh, nhận xét sự kiện lịch sử, đồng thời HS sẽ có kiến thức khái quát về bài học và có được nhận xét, đánh giá chung nhất về Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2.2.4. Sử dụng bài tập lịch sử khi kiểm tra hoạt động nhận thức của học sinh

Đổi mới dạy học theo định hướng phát triển năng lực bao gồm đổi mới việc kiểm tra – đánh giá theo năng lực, hướng tới việc đánh giá sự tiến bộ của người học so với chính bản thân họ trong những giai đoạn khác nhau. Kiểm tra đánh giá là khâu quan trọng vì thông qua kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể hiểu và biết cụ thể tình hình học tập của HS nhằm phát hiện những thiếu sót trong quá trình giảng dạy kiến thức và kỹ năng cho HS để kịp thời khắc phục, sửa chữa; đồng thời củng cố cho HS vững chắc các vấn đề đã học. Việc sử dụng bài tập lịch sử trong kiểm tra đánh giá giúp HS phát huy tốt khả năng diễn

đạt, khả năng trình bày, sử dụng ngôn ngữ, phát triển hơn nữa năng lực nhận thức, tư duy và năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Ví dụ: khi dạy xong nội dung chuyên đề Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945) (Lịch sử 11 - Chương trình phổ thông mới), giáo viên có thể thiết kế bài tập như sau:

“Khởi nghĩa Tây Sơn xuất phát từ một cuộc khởi nghĩa nông dân, nhưng do sự phản bội của bè lũ thống trị trong nước cấu kết với thế lực xâm lược bên ngoài, đã chuyển hóa thành một phong trào đấu tranh dân tộc.

(Nguyễn Cảnh Minh – Giáo trình Lịch sử Việt Nam, tập 3, tr. 97)

Bằng các sự kiện lịch sử của phong trào Tây Sơn, em hãy chứng minh nhận định trên.”

Trả lời được yêu cầu của bài tập trên, HS không chỉ hiểu được một trong những kiến thức quan trọng của chuyên đề, mà còn hiểu được quá trình chuẩn bị và hoạt động của Phong trào Tây Sơn từ 1771-1789; đồng thời rèn luyện khả năng phân tích, tổng hợp, hình thành năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực nhận thức, tư duy, năng lực đánh giá về các nhân vật, sự kiện lịch sử và khả năng vận dụng kiến thức đã học để chứng minh một nhận định.

3. Kết luận

Sử dụng bài tập lịch sử là một trong những biện pháp phát huy tính chủ động, tích cực của HS trong học tập. Tuy nhiên, việc thiết kế và sử dụng bài tập lịch sử cần tuân theo những quy trình nhất định nhằm phát huy tốt nhất hiệu quả sử dụng. Vì vậy, vai trò của

giáo viên trong việc xây dựng, định hướng, sử dụng bài tập trong dạy học Lịch sử là rất quan trọng, giáo viên phải là người hướng dẫn, gợi mở vấn đề, giúp HS tìm hiểu, khám phá và rút ra kết luận. Thông qua việc giải bài tập, HS không những lĩnh hội được tri thức mới mà còn phát triển năng lực của HS.

Thiết kế bài tập lịch sử đòi hỏi sự chuẩn bị công phu và thời gian của giáo

viên, đó có thể là lý do vì sao bài tập chưa được sử dụng nhiều trong dạy học Lịch sử. Tuy nhiên, trong bối cảnh đổi mới phương pháp dạy học Lịch sử, hướng trọng tâm đến người học, việc sử dụng bài tập là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục, hướng đến việc phát triển năng lực cho HS, trong đó có năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể*, <https://hoatieu.vn/chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-tong-the-2018-161470>, (truy cập ngày 15/8/2020)
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông – Môn Lịch sử*, <https://hoatieu.vn/chuong-trinh-giao-duc-pho-thong-tong-the-mon-lich-su-161491x>, (truy cập ngày 15/8/2020)
3. Viện Ngôn ngữ (2007), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội
4. Đặng Văn Hồ - Trần Quốc Tuấn (2007), *Bài tập lịch sử ở trường phổ thông* (Sách dùng cho hệ đào tạo từ xa), <https://tailieu.vn/tag/lich-su-o-truong-pho-thong.html>, (truy cập ngày 1/9/2020)
5. Nguyễn Thị Côi (2006), *Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường trung học phổ thông*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội
6. https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_T%C3%A2y_S%C6%A1n, (truy cập ngày 10/8/2020)
7. Viện Sử học Việt Nam (Nguyễn Ngọc Nhuận, Nguyễn Tá Nhí dịch) (1995), *Quốc triều hình luật*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh
8. Quốc hội (2015), “Bộ luật hình sự”, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/trach-nhiem-hinh-su/Bo-luat-hinh-su-2015-296661.aspx>, (truy cập ngày 15/8/2020)

DESIGN AND USE HISTORY EXERCISES TO DEVELOP PROBLEM SOLVING COMPETENCIES AND CREATIVITY FOR HIGH SCHOOL STUDENTS IN TEACHING HISTORY

ABSTRACT

The competence in problems solving and creativity is one of the skills that need to be formed for high school students. The article aims to design and use history exercises to develop problem solving capabilities and creativity for high school students in teaching history.

Keywords: *Problems solving competencies and creativity, history exercise*

(Received: 3/9/2020, Revised: 30/10/2020, Accepted for publication: 8/3/2021)